TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2018
V/v: " Ly hôn và con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông: Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Bá Long

Ông: Nguyễn Văn Chung

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông: Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T - Thanh hóa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 /8/ 2017 về tranh chấp HN&GĐ. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/ HNGĐ-ST ngày 25/01/2018 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q - Sinh năm: 1993
HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện T - Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Xóm 8, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.
- Bị đơn: Anh Vũ Đình H - Sinh năm 1992 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện T - Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2017, lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên toà chị Lê Thị Q, nguyên đơn trình bày:

[1] Về Hôn nhân:

Chị và anh Vũ Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, anh H không quan tâm đến vợ con, ngoài ra anh H còn nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không sửa chữa lỗi lầm mà ngày càng trần trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Đình H.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Vũ Lê Hải H sinh ngày 16/3/2013, hiện nay cháu Hải H đang ở với chị nguyện vọng của chị là được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện chị Q đã cung cấp địa chỉ " Nơi cư trú" của anh Vũ Đình H và được UBND xã Đ, huyện T xác nhận đó là địa chỉ của anh H và thời điểm chị Q nộp đơn khởi kiện anh H đang có mặt tại địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tống đạt được thông báo thụ lý vụ án cho anh Vũ Đình H. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện chị Q đã cung cấp địa chỉ " Nơi cư trú" của anh Vũ Đình H và được UBND xã Đ, huyện T, xác nhận đó là địa chỉ của anh H và tại thời điểm chị Q nộp đơn khởi kiện anh H đang có mặt tại địa phương. Quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng quy định. Sau khi thụ lý Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh H, do anh H bỏ đi không còn ở nơi cư trú mà không thông báo cho chị Q biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại khoản 2 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Do vụ án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án không tiến hành hòa giải và vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về Hôn nhân**: Chị Lê Thị Q và anh Vũ Đình H kết hôn với nhau vào ngày 03/5/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Ngoài ra anh H không chịu làm ăn nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Q.

[3] Về con chung: Chị Q và anh H có 01 con chung, cháu Vũ Lê Hải H sinh ngày 16/3/2013, hiện nay cháu Hải H đang ở với chị Q, nguyện vọng của chị là được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Q. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Hải H do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hàng ngày và đảm bảo tốt về mọi

mặt. Căn cứ vào điều 81 luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của chị Quyên là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Lê Hải H.

[4] Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 207; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Vũ Đình H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Lê Hải H, sinh ngày 16/3/2013 cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002948, ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T - Thanh hóa .

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND. H T ;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận

Nơi nhận:
- VKSND. H Triệu Sơn;
- Chi cục THADS Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

Nơi nhận:
- *VKSND. H Triệu Sơn;*
- UBND xã Xuân Thọ;
- *Các đương sự*
- *Chi cục T.H.ADS Quảng Xương;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

Nơi nhận
- *VKSND.HQuảng xương*
- *Các đương sự*
- *Chi cục T.H.ADS Quảng Xương*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

Nơi nhận
- *VKSND.HQuảng xương*
- *Các đương sự*
- *Chi cục T.H.ADS Quảng Xương*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận
- VKSND huyện Quảng xương
- Các đương sự
- Chi cục T.H.A dân sự Quảng Xương
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Đình Thuận

Nơi nhận
THẨM
- VKSND huyện Quảng Xương.
- T.H.A huyện Quảng Xương.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Đình Thuận